

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST

Ngày: 24/6/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**;

2. Ông **Phan Minh Quốc**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **98/2022/ TLST- DS ngày 07/4/2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-DS ngày 27/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2022/QĐST-DS ngày 07/6/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Trần Ngọc X**, sinh năm 1973 – **Đại diện hộ kinh doanh Cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu Ngọc Sang**.

Địa chỉ: Số 172, tổ 4, ấp Hòa Tân, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0918310874

**2. Bị đơn:** Ông **Đặng Văn G**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Hòa Thới, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

*(Nguyên đơn ông X có mặt, bị đơn ông G vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc X - Đại diện hộ kinh doanh Cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu Ngọc Sang trình bày:** Tôi là chủ hộ kinh doanh Cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu Ngọc Sang chuyên bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật). Từ năm 2008, tôi có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Đặng Văn G để canh tác lúa. Hai bên không có làm hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng, cụ thể: Tới mùa (3 tháng) trả, nếu thiếu lại thì tính lãi dao động từ 1% đến 1,5%/tháng. Ông G có mua và có thiếu lại. Khi bán tôi không ghi sổ chỉ ra hóa đơn bán hàng. Đến năm 2016, hai bên tiến hành đối chiếu nợ thì ông G còn nợ tôi số tiền vật tư nông nghiệp là 46.000.000 đồng (tôi không nhớ rõ tiền gốc là bao nhiêu, tiền lãi chậm trả nợ là bao nhiêu do đã đưa hóa đơn cho ông G giữ hết rồi). Suốt một khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019 ông G trốn tránh trách nhiệm trả nợ nên tôi đã thưa ra Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Ngày 26/02/2019, Tòa án mời hòa giải thì ông G tự viết biên nhận nợ cùng ngày, theo đó ông G thừa nhận có nợ tôi số tiền vật tư nông nghiệp là 46.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ, tin tưởng ông G sẽ trả tiền nên tôi đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó ông G lại trốn tránh nghĩa vụ trả nợ dù tôi đã liên hệ đòi nhiều lần.

Nay tôi yêu cầu ông Đặng Văn G phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 46.000.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/02/2019 đến khi kết thúc vụ án.

*Bị đơn ông Đặng Văn G đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Đặng Văn G vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về Hợp đồng mua bán, do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng mua bán. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đặng Văn G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán: Biên nhận thỏa thuận (biên nhận nợ) ngày 26/02/2019 do ông X xuất trình có chữ ký và chữ viết họ và tên “Đặng Văn G” của bị đơn ông Đặng Văn G; Ông Đặng Văn G vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với Biên nhận thỏa thuận (biên nhận nợ) ngày 26/02/2019 nên việc ông G còn nợ ông X số tiền 46.000.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh, có cơ sở xác định giữa ông X và ông Đặng Văn G có xác lập hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Hợp đồng mua bán này của ông X và ông Đặng Văn G, là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi đến thời điểm Tòa án xét xử của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số nợ gốc là 46.000.000 đồng tính từ ngày 26/02/2019 (ngày ký nhận nợ) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi trên số nợ 46.000.000 đồng chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 40.000.000 đồng do nguyên đơn nhận thấy trong 46.000.000 đồng có 40.000.000 đồng là nợ gốc, 6.000.000 đồng là nợ lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bị đơn trả lãi như trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với số nợ 6.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2022) do nguyên đơn tự nguyện rút.

Xét thấy đến hạn trả nợ ông Đặng Văn G không trả được nợ nên ông X có quyền yêu cầu ông Đặng Văn G ngoài việc thanh toán nợ gốc còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông X trình bày lãi suất vay thỏa thuận miệng giữa hai bên dao động từ là 1%/tháng đến 1,5%/tháng, tuy nhiên trong biên nhận nợ không ghi nhận việc ông X và ông Đặng Văn G có thỏa thuận về lãi suất nên không thể xác định chính xác mức lãi suất hai bên thỏa thuận nếu có vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/02/2019. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì với trường hợp trên lãi suất được xác định là 10%/năm (0,83%/tháng); Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/02/2019 đến

ngày xét xử (ngày 24/6/2022) là 03 năm 03 tháng 29 ngày; Yêu cầu tính lãi của ông X là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, số tiền lãi ông Đặng Văn G phải trả cho ông X là 13.488.889 đồng (40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 năm 03 tháng 29 ngày).

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông Đặng Văn G phải trả cho ông X là 59.488.889 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi đã chót với bị đơn tại Biên nhận thỏa thuận ngày 26/02/2019 là 6.000.000 đồng và lãi chậm trả đối với số nợ gốc 40.000.000 đồng tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2022) là 13.488.889 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với số nợ 6.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2022) do nguyên đơn tự nguyện rút.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Ngọc X tổng số tiền vốn, lãi là 59.488.889 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi đã chót với bị đơn tại Biên nhận thỏa thuận ngày 26/02/2019 là 6.000.000 đồng và lãi chậm trả đối với số nợ gốc 40.000.000 đồng tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2022) là 13.488.889 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/6/2022), bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi

hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn G phải nộp 2.974.444 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Trần Ngọc X không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009098 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Cẩm Xuyên**